

CHÍNH PHỦ
Số: 2/CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 1 năm 1994

NGHỊ ĐỊNH

Ban hành bản quy định về giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 19 tháng 8 năm 1991;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 14 tháng 7 năm 1993;

Căn cứ Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp ngày 10 tháng 7 năm 1993;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Bộ trưởng Bộ Thủy sản, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc và miền núi, Tổng Cục trưởng Tổng cục quản lý ruộng đất;

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. - Nay ban hành kèm theo Nghị định này bản quy định về việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

Điều 2. - Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 3. - Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

QUI ĐỊNH

**VỀ VIỆC GIAO ĐẤT LÂM NGHIỆP CHO TỔ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH,
CÁ NHÂN SỬ DỤNG ỔN ĐỊNH, LÂU DÀI VÀO MỤC ĐÍCH LÂM NGHIỆP.
(BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 2-CP NGÀY 15-1-1994 CỦA CHÍNH PHỦ).**

Điều 1. - Đất lâm nghiệp được Nhà nước giao cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài nói trong bản Quy định này gồm:

Đất có rừng tự nhiên, đất đang có rừng trồng;

Đất chưa có rừng được qui hoạch để gây trồng rừng, khoanh nuôi, bảo vệ thảm thực vật.

Điều 2. - Nhà nước giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài theo đúng mục đích sử dụng của từng loại rừng:

Rừng phòng hộ, vùng khoanh nuôi bảo vệ thảm thực vật được sử dụng chủ yếu để bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn, hạn chế thiên tai, điều hoà khí hậu, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái;

Rừng đặc dụng được sử dụng chủ yếu để bảo tồn thiên nhiên, mẫu chuẩn hệ sinh thái rừng của Quốc gia, nguồn gen thực vật, động vật rừng, nghiên cứu khoa học; bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh, phục vụ nghỉ ngơi du lịch;

Rừng sản xuất được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh gỗ, các lâm sản khác, đặc sản rừng, động vật rừng và kết hợp phòng hộ bảo vệ môi trường sinh thái.

Điều 3.

1. Nhà nước giao đất lâm nghiệp có rừng tự nhiên, có rừng trồng bằng vốn của Nhà nước cho tổ chức theo luận chứng kinh tế kỹ thuật, dự án quản lý, xây dựng khu rừng được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; cho hộ gia đình, cá nhân theo phương án quản lý, sử dụng rừng được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, để bảo vệ, phát triển và sử dụng ổn định, lâu dài theo qui hoạch, kế hoạch của Nhà nước;

2. Nhà nước giao đất lâm nghiệp chưa có rừng, giao đất vùng khoanh nuôi bảo vệ thảm thực vật và có chính sách đầu tư, hỗ trợ hợp lý để tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp theo quy hoạch của Nhà nước;

3. Đối với đất có rừng, đất chưa có rừng mà chưa giao cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nào thì Bộ Lâm nghiệp và cơ quan quản lý Nhà nước về lâm nghiệp ở địa phương giúp Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức quản lý và có kế hoạch từng bước đưa vào sử dụng.

Điều 4. Căn cứ để giao đất lâm nghiệp:

1. Quỹ đất lâm nghiệp của từng địa phương;

2. Quy hoạch đất lâm nghiệp, qui hoạch rừng các loại của từng địa phương đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt;

3. Nhu cầu, khả năng sử dụng đất lâm nghiệp vào mục đích lâm nghiệp của các tổ chức được ghi trong luận chứng kinh tế kỹ thuật, dự án quản lý xây dựng khu rừng được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; đơn xin giao đất lâm nghiệp của hộ gia đình, cá nhân được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú xác nhận;

4. Trong trường hợp việc giao đất lâm nghiệp gắn với việc thực hiện các chính sách đầu tư hỗ trợ bằng vốn của Nhà nước, thì việc giao đất phải theo kế hoạch nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ hàng năm của Nhà nước.

Điều 5. - Đối tượng được giao đất lâm nghiệp:

1. Tổ chức gồm các Ban Quản lý khu rừng phòng hộ, khu rừng đặc dụng, các doanh nghiệp lâm nghiệp, Nông nghiệp, Ngư nghiệp; các trạm, trại, xí nghiệp giống lâm nghiệp; các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân; trường học, trường dạy nghề, các tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế khác;
2. Hộ gia đình cư trú tại địa phương được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận.
3. Cá nhân.

Điều 6.

1. Thời hạn giao đất lâm nghiệp để sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp qui định như sau:
 - a) Đối với các tổ chức của Nhà nước thời hạn giao được qui định theo qui hoạch, kế hoạch của Nhà nước;
 - b) Đối với các tổ chức khác, hộ gia đình, cá nhân là 50 năm. Hết thời hạn qui định tại điểm này nếu tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đó vẫn có nhu cầu và sử dụng đúng mục đích, thì được Nhà nước xét giao tiếp. Nếu trồng các loài cây lâm nghiệp có chu kỳ trên 50 năm, thì sau 50 năm được Nhà nước giao tiếp cho đến khi thu hoạch sản phẩm chính.
2. Thời hạn giao đất lâm nghiệp được tính như sau:
 - a) Đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được giao từ ngày 14 tháng 10 năm 1993 trở về trước, thì được tính thống nhất từ ngày 15 tháng 10 năm 1993;
 - b) Đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được giao từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 trở đi thì được tính từ ngày giao.

Điều 7.

1. Đất lâm nghiệp được qui hoạch cho rừng phòng hộ gồm:
 - a) Phòng hộ đầu nguồn;
 - b) Phòng hộ chắn gió, chắn cát bay;
 - c) Phòng hộ chắn sóng, lấn biển;
 - d) Phòng hộ bảo vệ môi trường sinh thái.
2. Giao cho các ban quản lý của các khu rừng phòng hộ được xác lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) việc quản lý các khu rừng đó để bảo vệ, xây dựng theo qui hoạch và kế hoạch đã được duyệt.
3. Đối với các khu rừng phòng hộ đã giao cho các tổ chức (kinh tế lâm nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp của Nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân hoặc các tổ chức khác), Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị này có trách nhiệm tổ chức quản lý, bảo vệ, xây dựng các khu rừng đó theo qui hoạch, kế hoạch được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt.
4. Đối với các khu rừng phòng hộ có diện tích nhỏ trong phạm vi của một xã, thôn, buôn, bản nhưng chưa giao cho người sử dụng cụ thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đó có trách nhiệm tổ chức để các thôn, buôn,